

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM MỸ
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2021/HNGĐ-ST
Ngày 15/4/2021
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM MỸ, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Phạm Thị Tường Vy

Các Hội thẩm nhân dân: + Ông Lê Đức Dũng;

+ Bà Phạm Ngọc Nhung.

- Thư ký phiên tòa: bà Trần Thị Hoài Minh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: ông Dương Văn Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 439/2020/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 10 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/3/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 38/2021/QĐST-HNGĐ ngày 26/3/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Lý Thị N, sinh năm: 1990; Địa chỉ: ấp 1, xã X, huyện C, tỉnh Đ.

2. Bị đơn: anh Ông Minh S, sinh năm: 1988; Địa chỉ: ấp 1, xã X, huyện C, tỉnh Đ.

(chị N, anh S vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện xin ly hôn, bản tự khai nguyên đơn là chị Lý Thị N trình bày: trên cơ sở tự nguyện, chị N và anh S đã tiến tới hôn nhân, đăng ký kết hôn tại UBND xã X vào tháng 5 năm 2014. Sau thời gian chung sống vợ chồng sinh được hai người con là các cháu Ông Vy Giáng M, sinh ngày: 19/8/2014 và Ông Minh V, sinh ngày: 29/01/2018. Trong thời gian chung sống, giữa vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn do tính tình không hợp nên sinh ra nhiều cãi vã dẫn tới ly thân từ tháng 5/2019 đến nay. Chị N xác định không còn tình cảm với anh S, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn anh S; yêu cầu được trực tiếp

nuôi dưỡng hai con chung và không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con; vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn là anh Ông Minh S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt nên không có lời khai trong hồ sơ vụ án.

* Theo biên bản lấy lời khai ngày 20/11/2020, bà Nguyễn Thị L trình bày: bà L là bác dâu của anh Ông Minh S, sống cùng nhà với anh S tại ấp 1, xã X, huyện C, do cha mẹ anh S đều đã mất. Sau khi kết hôn, chị N và anh S sống và làm việc tại TP. Hồ Chí Minh, thỉnh thoảng anh S có về thăm gia đình. Về mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N và anh S thì bà không biết.

* Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Việc thụ lý, thu thập tài liệu, chứng cứ; xác định tư cách tham gia tố tụng và quan hệ pháp luật đúng trình tự thủ tục theo quy định. Việc tuân theo pháp luật của HĐXX, Thư ký phiên tòa tại phiên tòa được thực hiện đúng quy định pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: xét thấy ý kiến của nguyên đơn; biên bản xác minh của tòa án cho thấy giữa chị N và anh S hiện không còn chung sống với nhau, không thực hiện được nghĩa vụ của vợ chồng dẫn đến việc làm cho quan hệ hôn nhân của cả 2 thật sự mâu thuẫn, đời sống chung không thể kéo dài. Nên đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N với anh S. Về con chung: chị N và anh S có 2 con chung và chị N yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cả 2 con. Chị N chứng minh bản thân có thu nhập và công việc ổn định; anh S không đến Tòa án làm việc nên không có ý kiến. Vì vậy, đề nghị HĐXX giao cả 2 con cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Tài sản chung: không giải quyết; nợ chung: các đương sự khai không có nên không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào lời khai của các đương sự và kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: chị Lý Thị N có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn và yêu cầu trực tiếp nuôi con chung nên xác định quan hệ tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, trong đó chị N là nguyên đơn, anh S là bị đơn. Anh S có nơi cư trú tại ấp 1, xã X. Như vậy, căn cứ theo quy định tại Điều 28, 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ.

[2] Về thủ tục tố tụng: Anh Ông Minh S đã được tòa án triệu tập tham gia phiên tòa lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Chị Lý Thị N có đơn xin xét xử vắng mặt; nên căn cứ Điều 227, 228 BLTTDS, HĐXX xét xử vắng mặt chị N, anh S là phù hợp.

[3] Về việc áp dụng pháp luật: chị N và anh S đăng ký kết hôn với nhau tại UBND xã X, huyện C từ tháng 5 năm 2014 và hiện nay chị N yêu cầu được xin ly hôn. Vì vậy, pháp luật áp dụng xem xét về tính hợp pháp đối với quan hệ hôn nhân giữa 2 anh chị là Luật HN&GD 2000 và pháp luật áp dụng để giải quyết

tranh chấp về điều kiện cho 2 anh chị ly hôn và điều kiện trực tiếp nuôi con là Luật HN&GD năm 2014 là phù hợp.

[4] Về nội dung: Về quan hệ hôn nhân: chị Lý Thị N và anh Ông Minh S tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 52 ngày 17/5/2014, hôn nhân giữa hai người là hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị N nhận thấy: chị N xác định do mâu thuẫn nên chị và anh S đã ly thân từ tháng 5/2019 đến nay, chị không còn tình cảm với anh S. Theo lời khai do Tòa án thu thập được của bà Nguyễn Thị L, là bác dâu của anh S, dù bà L không biết mâu thuẫn giữa vợ chồng chị N nhưng là bà L cũng báo cho anh S biết việc chị N yêu cầu ly hôn với anh và anh S đã được Tòa án triệu tập làm việc nhiều lần, trong đó có triệu tập tham gia phiên hòa giải nhưng anh S đều vắng mặt chứng tỏ anh S không muốn hàn gắn tình cảm với chị N. Cả 2 không còn chung sống với nhau từ tháng 5 năm 2019 là đã vi phạm nghĩa vụ của vợ chồng là phải chung sống, yêu thương, giúp đỡ nhau và đã dẫn đến việc làm cho quan hệ hôn nhân của cả 2 lâm vào tình trạng mâu thuẫn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Từ những nhận định trên, xét yêu cầu ly hôn của chị N là có cơ sở, do đó HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị N được ly hôn anh S là phù hợp quy định pháp luật.

[5] Về con chung và cấp dưỡng cho con: khi ly hôn, chị N yêu cầu trực tiếp nuôi cả hai con chung là cháu Ông Vy Giáng M, sinh ngày: 19/8/2014 và Ông Minh V, sinh ngày: 29/01/2018. Sau khi thụ lý yêu cầu khởi kiện của chị N, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án cho anh S biết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng anh S không có ý kiến gì, bao gồm cả yêu cầu được nuôi con của chị N. Vì anh S không có ý kiến gì về yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung; bản thân chị N cũng chứng minh mình có thu nhập và công việc ổn định nên HĐXX quyết định giao cháu M và cháu V cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Chị N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên tạm thời anh S không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: không ai yêu cầu nên không xem xét.

[7] Về án phí: chị Lý Thị N phải nộp án phí theo quy định.

[8] Quan điểm của Kiểm sát viên về thủ tục tố tụng và đường lối giải quyết vụ án là phù hợp quy định pháp luật nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 266 của BLTTDS; Điều 9, Điều 11 Luật HN&GD 2000; các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và Điều 131 của Luật HN&GD năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: cho chị Lý Thị N được ly hôn anh Ông Minh S.
2. Về con chung, cấp dưỡng: giao các cháu Ông Vy Giáng M, sinh ngày: 19/8/2014 và Ông Minh V, sinh ngày: 29/01/2018 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời anh S không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.
Sau khi ly hôn, quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung được pháp luật bảo vệ đến khi con chung đủ 18 tuổi. Khi cần thiết chị N, anh S có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con chung; yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.
3. Về tài sản chung, nợ chung: không xem xét.
4. Về án phí: chị Lý Thị N phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà chị N đã nộp tại biên lai thu tiền số 0002198 ngày 30/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Mỹ; chị N đã nộp đủ án phí.
Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Cẩm Mỹ;
- Chi cục THADS huyện Cẩm Mỹ;
- UBND xã X (52/2014);
- Các đương sự;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phạm Thị Tường Vy